

**I. Cấu trúc đề thi:**

- Trắc nghiệm (5 điểm - 20 câu 4 lựa chọn) + Tự luận (5 điểm - 3 câu)

**II. Nội dung ôn tập:**

- Chủ đề: Sinh trưởng và phát triển ở thực vật.
- Chủ đề: Sinh trưởng và phát triển ở động vật.
- Chủ đề: Sinh sản ở thực vật.

**1. Bài 34: Sinh trưởng ở thực vật.**

- Nêu được các khái niệm: Sinh trưởng của cơ thể thực vật, mô phân sinh.
- Nêu được nhóm thực vật, vị trí và chức năng mô phân sinh đỉnh, mô phân sinh bên, mô phân sinh lóng.

Các loại mô phân sinh	Mô phân sinh đỉnh	Mô phân sinh bên	Mô phân sinh lóng
Các tiêu chí			
Nhóm thực vật			
Vị trí			
Chức năng			

- Phân biệt được sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp ở thực vật.

Các loại sinh trưởng	Sinh trưởng sơ cấp	Sinh trưởng thứ cấp.
Các tiêu chí		
Kiểu sinh trưởng		
Nơi sinh trưởng		
Nguồn gốc sinh trưởng		
Đại diện		

- Nhận biết ảnh hưởng của nhân tố bên ngoài: nhiệt độ, ánh sáng, oxi đến sinh trưởng ở thực vật.
- Giải thích được sự hình thành vòng năm.

**2. Bài 35: Hoocmôn thực vật.**

- Nêu được khái niệm hoocmôn thực vật.
- Nêu đặc điểm của hoocmôn thực vật.
- Kể tên được các loại hoocmôn kích thích, hoocmôn ức chế và tác dụng sinh lí của chúng.
- Trình bày được ứng dụng của từng loại hoocmôn trong nông nghiệp: AIA, GA, xitôkinin, AAB, êtilen theo bảng sau:

Tên loại hoocmôn	Ứng dụng
Auxin (AIA)	
Giberelin (GA)	
Xitôkinin	
Êtilen	
Axit abxixic (AAB)	

- Trình bày sự tương quan hoocmôn thực vật trong nuôi cấy mô thực vật.
- Điều cần tránh trong việc ứng dụng các chất điều hòa sinh trưởng nhân tạo là gì? Vì sao?

**3. Bài 36: Phát triển ở thực vật có hoa.**

- Nêu được khái niệm về sự phát triển của thực vật, quang chu kỳ, xuân hóa, photôcrôm.
- Liệt kê một số đại diện cây ngày dài, cây ngày ngắn, cây trung tính.
- Kể tên các nhân tố chi phối sự ra hoa.
- Nêu được vai trò của phytochrom đối với sự ra hoa của cây.
- Phát hiện được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển ở thực vật.
- Giải thích được một số ứng dụng về sinh trưởng và phát triển trong sản xuất nông nghiệp.

**4. Bài 37: Sinh trưởng và phát triển ở động vật.**

- Nêu được khái niệm về biến thái.

- Phân biệt được phát triển không qua biến thái, qua biến thái hoàn toàn và không hoàn toàn theo bảng sau:

Các kiểu phát triển	Phát triển không qua biến thái.	Phát triển qua biến thái hoàn toàn.	Phát triển qua biến thái không hoàn toàn.
Tiêu chí			
Đại diện			
Các giai đoạn			
Đặc điểm con non so với con trưởng thành			

**5. Bài 38, 39: Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật.**

- Kể tên được các hoocmôn và nêu được vai trò của các hoocmôn đó đối với sinh trưởng và phát triển của động vật có xương sống theo bảng sau:

Tên các loại hoocmôn	Nơi tiết ra	Vai trò

- So sánh đặc điểm giống và khác nhau hoocmôn ecdixon với hooc môn juvenin theo bảng sau:

Các tiêu chí	Ecdixon	Juvenin
Giống nhau:		
Nơi tiết ra		
Vai trò		

- Nhận biết được tác động của một số nhân tố bên ngoài đến sinh trưởng và phát triển của động vật.

- Trình bày được một số biện pháp điều khiển sinh trưởng và phát triển ở động vật và con người.

**6. Bài 41: Sinh sản vô tính ở thực vật.**

- Nêu khái niệm sinh sản và khái niệm sinh sản vô tính ở thực vật.

- Nêu cơ sở khoa học của phương pháp nhân giống vô tính ở thực vật.

- Trình bày vai trò của sinh sản vô tính và ứng dụng sinh sản vô tính ở thực vật.

**7. Bài 42: Sinh sản hữu tính ở thực vật.**

- Nêu được các khái niệm: sinh sản hữu tính ở thực vật, thụ phấn, thụ tinh.

- Nêu được các ưu điểm của sinh sản hữu tính đối với sự phát triển của thực vật.

- Mô tả quá trình hình thành hạt phấn và túi phôi ở thực vật có hoa.

- Nêu vai trò của quả đối với sự phát triển của thực vật và đời sống con người.

**III. Một số câu hỏi minh họa:**

**1. Trắc nghiệm:**

**Bài 34: Sinh trưởng ở thực vật.**

**Câu 1:** Mô phân sinh là các nhóm tế bào:

- A. đã phân hóa, duy trì khả năng nguyên phân.
- B. chưa phân hóa, duy trì khả năng nguyên phân.
- C. đã phân chia, duy trì khả năng nguyên phân.
- D. chưa phân chia, không có khả năng nguyên phân.

**Câu 2:** Đặc điểm nào dưới đây **không** có ở sinh trưởng sơ cấp?

- A. Làm tăng kích thước chiều dài của cây.
- B. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bản.
- C. Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.
- D. Diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

**Câu 3:** Chức năng nào đúng với loại mô phân sinh đỉnh?

- A. Làm cho thân cây dài ra.
- B. Làm dày thân và rễ.
- C. Làm cho lông dài ra.
- D. Vận chuyển nước và ion khoáng.

**Câu 4:** Những nét hoa văn trên đồ gỗ có xuất xứ từ đâu?

- A. Xuất xứ từ vỏ cây.
- B. Xuất xứ từ dòng mạch rây.
- C. Xuất xứ từ vòng năm.
- D. Xuất xứ từ mô phân sinh đỉnh.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây đúng về mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng?

- A. Mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.
- B. Mô phân sinh bên có ở thân cây một lá mầm, mô phân sinh lóng có ở thân cây hai lá mầm.
- C. Mô phân sinh bên có ở thân cây hai lá mầm, mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.
- D. Mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây hai lá mầm.

**Bài 35: Hooc môn thực vật.**

**Câu 1:** Đặc điểm **không** có ở hooc môn thực vật là

- A. tính chuyên hóa cao hơn nhiều so với hoocmôn ở động vật bậc cao
- B. với nồng độ rất thấp gây ra những biến đổi mạnh trong cơ thể
- C. được vận chuyển theo dòng mạch gỗ và mạch rây.
- D. được tạo ra một nơi nhưng gây ra phản ứng ở nơi khác

**Câu 2:** Những loại hoocmôn nào được gọi là hoocmôn kích thích?

- A. Êtilen, gibêrelin, auxin.
- B. Auxin, xitôkinin.

C. Auxin, gibêrelin, xitôkinin. D. Axit abxixic, êtilen, auxin.

**Câu 3:** Êtilen được sản sinh nhiều nhất ở bộ phận nào của cây?

A. đỉnh của thân. B. chóp rễ. C. lá. D. quả chín.

**Câu 4:** Hooc môn auxin có vai trò như thế nào trong nông nghiệp?

A. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra hoa. B. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra rễ phụ.

C. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra lá. D. Kích thích nảy mầm của hạt, của chồi, ra quả.

**Câu 5:** Cho các loại hoocmôn ở cột A, các đặc điểm, ứng dụng ở cột B

A	B
1. Auxin	a. Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây và tạo quả không hạt.
2. Gibêrelin	b. Thúc quả xanh chóng chín và cảm ứng ra hoa ở cây họ Dứa.
3. Xitôkinin	c. Kích thích ra rễ, cành giâm, tạo quả không hạt.
4. Êtilen	d. Nuôi cấy mô tế bào và mô thực vật, kích thích sinh trưởng chồi non.
5. Axit abxixic.	e. Phá ngủ cho mầm hạt, củ, tạo quả không hạt.

Cách sắp xếp theo thứ tự đúng là:

A. 1a, 2b, 3c, 4d, 5e.

B. 1a, 2d, 3c, 4e, 5b.

C. 1b, 2d, 3a, 4 c, 5e.

D. 1c, 2b, 3a, 4d, 5e.

### Bài 36: Phát triển ở thực vật có hoa.

**Câu 1:** Quang chu kì là:

A. Tương quan độ dài ngày và đêm.

B. Thời gian chiếu sáng xen kẽ với bóng tối bằng nhau trong ngày.

C. Thời gian chiếu sáng trong một ngày.

D. Tương quan độ dài ban ngày và ban đêm trong một mùa.

**Câu 2:** Thời điểm ra hoa ở thực vật một năm có phản ứng quang chu kì trung tính được xác định theo:

A. chiều cao của thân.

B. đường kính gốc.

C. theo số lượng lá trên thân.

D. ánh sáng.

**Câu 3:** Florigen kích thích sự ra hoa của cây được sinh ra ở:

A. Chồi nách.

B. Lá.

C. Đỉnh thân.

D. Rễ.

**Câu 4:** Những đại diện nào sau đây thuộc cây ngày ngắn?

A. Dưa chuột, lúa, dâm bụt.

B. Đậu cô ve, dưa chuột, cà chua.

C. Cỏ 3 lá, kiều mạch, dâm bụt

D. Cúc, cà phê, lúa.

**Câu 5:** Phitôcrôm P<sub>dx</sub> có vai trò như thế nào?

A. Làm cho hạt nảy mầm, khí khổng mở, ức chế hoa nở.

B. Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng mở.

C. Làm cho hạt nảy mầm, hoa nở, khí khổng đóng.

D. Làm cho hạt nảy mầm, kim hãm hoa nở và khí khổng mở.

### Bài 37: Sinh trưởng và phát triển ở động vật.

**Câu 1:** Hình ảnh dưới đây là vòng đời của con Muỗi thuộc kiểu phát triển nào sau đây?

A. Phát triển không qua biến thái.

B. Phát triển qua biến thái hoàn toàn.

C. Phát triển qua biến thái không hoàn toàn. D. Giai đoạn phôi.

**Câu 2:** Cho các thông tin dưới đây, thông tin nào đúng với kiểu phát triển biến thái không hoàn toàn?

(1) Con non có đặc điểm hình thái, sinh lí rất khác với con trưởng thành.

(2) Ấu trùng trải qua nhiều lần lột xác (4 – 5 lần).

(3) Sự khác biệt về hình thái và cấu tạo của ấu trùng giữa các lần lột xác kế tiếp nhau là không lớn.

(4) Con non có đặc điểm hình thái, sinh lí tương tự với con trưởng thành.

(5) Không trải qua quá trình lột xác.

(6) Trâu, bò, cá quả, khỉ.

(7) Châu chấu, ve sầu, gián, tôm, cua.

(8) Ong, ếch, muỗi.

A. (1), (8), (7), (5).

B. (2), (3), (5), (7).

C. (2), (3), (7).

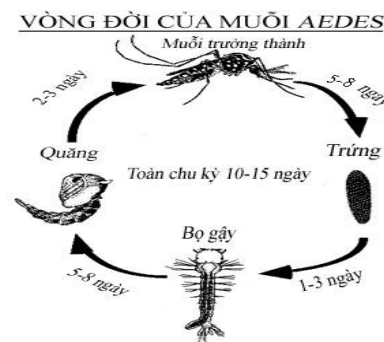
D. (4), (5), (6).

**Câu 3:** Nội dung nào sau đây đúng với khái niệm biến thái?

A. Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và từ từ về sinh lí của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

B. Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và đột ngột về sinh lí của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

C. Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lí của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.



D. Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

**Câu 4:** Những động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn là:

- A. Cá chép, gà, thỏ, khỉ. B. Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.  
C. Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua. D. Châu chấu, ếch, muỗi.

**Câu 5:** Kiểu phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà còn non có đặc điểm hình thái

- A. sinh lý rất khác với con trưởng thành.  
B. cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý.  
C. cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành.  
D. cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.

### **Bài 38, 39: Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật.**

**Câu 1:** Nếu tuyến yên sản sinh ra quá ít hoặc quá nhiều hoocmôn sinh trưởng ở giai đoạn trẻ em sẽ dẫn đến hậu quả:

- A. chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém. B. các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.  
C. người bé nhỏ hoặc khổng lồ. D. các đặc điểm sinh dục nam kém phát triển.

**Câu 2:** Iốt là thành phần cấu tạo nên hoocmôn nào dưới đây?

- A. Hoocmôn sinh trưởng. B. Tirôxin.  
C. Ostrôgen. D. Testostêrôn.

**Câu 3:** Cho các đặc điểm tác dụng sinh lý:

- (1) Gây lột xác sâu bướm. (2) Ức chế quá trình biến đổi sâu thành nhộng và bướm.  
(3) Tăng phát triển xương. (4) Kích thích quá trình biến đổi sâu thành nhộng và bướm.  
(5) Phát triển mạnh cơ bắp. (6) Kích thích phân chia tế bào.

Những đặc điểm nào đúng nói về hoocmôn ecđixon?

- A. (1), (2). B. (1), (4). C. (4), (6). D. (4), (5).

**Câu 4:** Đối với gia súc non, mùa đông lạnh giá gây mất nhiều nhiệt, nếu không tăng khẩu phần ăn sẽ là chậm quá trình sinh trưởng của chúng. Như vậy, nhân tố nào đã ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của gia súc non nói trên?

- A. Nhiệt độ. B. Thức ăn. C. Ánh sáng. D. Độ ẩm.

**Câu 5:** Tirôxin có ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật như thế nào?

- A. Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin.  
B. Kích thích chuyển hoá ở tế bào sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.  
C. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực.  
D. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

**Câu 6:** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng mạnh nhất đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cả người và động vật?

- A. Nhiệt độ. B. Thức ăn. C. Ánh sáng. D. Độ ẩm.

**Câu 7:** Khi trời rét, động vật biến nhiệt trở thành và phát triển chậm vì thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hóa trong cơ thể

- A. giảm dẫn tới hạn chế tiêu thụ năng lượng. B. giảm, sinh sản tăng.  
C. mạnh hơn tạo nhiều năng lượng để chống rét. D. tăng, sinh sản giảm.

**Câu 8:** Tắm nắng vào lúc sáng sớm hay chiều tối (ánh sáng yếu) có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò

- A. chuyển hóa Na để hình thành xương. B. chuyển hóa Ca để hình thành xương.  
C. chuyển hóa K để hình thành xương. D. oxihóa để hình thành xương.

**Câu 9:** Cho các thông tin sau hãy sắp xếp theo đúng nhân tố thức ăn ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật.

- (1) Thiếu prôtêin, động vật chậm lớn và gây yếu, dễ mắc bệnh.  
(2) Vào mùa đông, khi nhiệt độ hạ xuống 16 – 18°C, cá rô phi ngừng lớn và ngừng đẻ.  
(3) Thiếu vitamin D gây bệnh còi xương, chậm lớn ở động vật và người.  
(4) Những ngày trời rét, động vật mất nhiều nhiệt. Vì vậy, chúng phơi nắng để thu thêm nhiệt và giảm mất nhiệt.  
A. (1), (2). B. (1), (4). C. (2), (3). D. (1), (3).

**Câu 10:** Cho đoạn thông tin sau:

Heo (lợn) Móng Cái là giống heo có nguồn gốc từ khu vực thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Do có các đặc tính ưu việt hơn heo Í nên giống heo này nhanh chóng phát triển ra các vùng lân cận. Ở miền Bắc Việt Nam, hiện heo Móng Cái dùng làm nái chủ yếu để giao phối với heo đực ngoại như Đại Bạch và cho sản phẩm con lai F1 nuôi lấy thịt, có năng suất cao.

Như vậy, biện pháp nào tác động lên sự sinh trưởng và phát triển của động vật nói trên?

- A. Chọn lọc nhân tạo. B. Công nghệ phôi. C. Lai giống. D. Thức ăn.

### **Bài 41: Sinh sản vô tính ở thực vật.**

**Câu 1:** Sinh sản vô tính ở thực vật là cây non được sinh ra mang đặc tính

- A. giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.  
B. giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.  
C. giống bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.  
D. giống và khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

**Câu 2:** Ở thực vật có 2 kiểu sinh sản:

- A. sinh sản sinh dưỡng và sinh sản bào tử.                      B. sinh sản phân đôi và nảy chồi.  
 C. sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.                      D. sinh sản bằng thân củ và thân rễ.

**Câu 3:** Ngoài thiên nhiên, cây tre sinh sản bằng:

- A. lóng.                      B. đỉnh sinh trưởng.                      C. thân rễ.                      D. rễ phụ.

**Câu 4:** Cơ sở sinh lí của công nghệ nuôi cấy tế bào và mô thực vật là:

- A. dựa vào cơ chế nguyên phân và giảm phân.                      B. dựa vào tính toàn năng của tế bào.  
 C. dựa vào cơ chế giảm phân và thụ tinh.                      D. dựa vào cơ chế nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.

**Câu 5:** Xét các đặc điểm sau:

- (1) Cá thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn có thể tạo ra con cháu. Vì vậy, có lợi trong trường hợp mật độ quần thể thấp.
- (2) Tạo ra các cá thể thích nghi tốt với môi trường sống ổn định, ít biến động, nhờ vậy quần thể phát triển nhanh.
- (3) Tạo ra các cá thể mới giống nhau và giống cá thể mẹ về các đặc điểm di truyền
- (4) Tạo ra số lượng con cháu giống trong một thời gian ngắn
- (5) Cho phép tăng hiệu suất sinh sản vì không phải tiêu tốn năng lượng cho việc tạo giao tử và thụ tinh
- (6) Tạo ra thế hệ con cháu giống nhau về mặt di truyền nên có lợi thế khi điều kiện sống thay đổi

Sinh sản vô tính có những đặc điểm nào?

- A. (1), (2), (3), (4) và (6).                      B. chỉ (3) và (5).  
 C. chỉ (1) và (2).                      D. (1), (2), (3), (4) và (5).

**Bài 42: Sinh sản hữu tính ở thực vật.**

**Câu 1:** Đặc điểm nào sau đây *không* đúng khi nói về quá trình hình thành quả?

- A. Là mô nuôi dưỡng phôi phát triển.                      C. Quả do bầu nhụy phát triển thành.  
 B. Bầu nhụy dày lên, chứa hạt.                      D. Bảo vệ hạt và giúp phát tán hạt.

**Câu 2:** Trong sự hình thành hạt phấn, từ 1 tế bào mẹ (2n) trong bao phấn giảm phân hình thành:

- A. hai tế bào con (n).                      B. ba tế bào con (n)  
 C. bốn tế bào con (n).                      D. năm tế bào con (n)

**Câu 3:** Thụ tinh kép ở thực vật có hoa là:

- A. sự kết hợp của hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi.  
 B. sự kết hợp của nhân hai giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nội nhũ.  
 C. sự kết hợp của nhân hai giao tử đực và với nhân của giao tử cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.  
 D. sự kết hợp của hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và giao tử cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

**Câu 4:** Hạt đực hình thành từ

- A. nội nhũ.                      B. hạt phấn.                      C. bầu nhụy.                      D. noãn đã thụ tinh.

**Câu 5:** Ý nghĩa sinh học của hiện tượng thụ tinh kép ở thực vật hạt kín là gì?

- A. Tiết kiệm vật liệu di truyền.  
 B. Hình thành nội nhũ cung cấp dinh dưỡng cho phôi phát triển.  
 C. Hình thành nội nhũ chứa các tế bào tam bội.  
 D. Hình thành nội nhũ, cung cấp dinh dưỡng cho sự phát triển của phôi và thời kì đầu của cá thể mới.

**2. Tự luận:**

**Câu 1:** Phân biệt được sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp ở thực vật theo bảng sau:

Các loại sinh trưởng	Sinh trưởng sơ cấp	Sinh trưởng thứ cấp.
Các tiêu chí		
Kiểu sinh trưởng		
Nơi sinh trưởng		
Nguồn gốc sinh trưởng		
Đại diện		

**Câu 2:** Hoocmôn thực vật là gì? Nêu được ứng dụng của từng loại hoocmôn trong nông nghiệp: AIA, GA theo bảng sau:

Tên loại hooc môn	Ứng dụng
Auxin (AIA)	
Giberelin (GA)	

**Câu 3:** Biến thái là gì? Phân biệt kiểu phát triển qua biến thái hoàn và kiểu phát triển qua biến thái không hoàn toàn theo bảng sau :

Các kiểu phát triển	Phát triển không qua biến thái.	Phát triển qua biến thái hoàn toàn.	Phát triển qua biến thái không hoàn toàn.
Tiêu chí			
Đại diện			
Các giai đoạn			
Đặc điểm con non so với con trưởng thành			

**Câu 4:** Tại sao gà trống con sau khi cắt bỏ tinh hoàn thì phát triển không bình thường: mào nhỏ, không có cựa, không biết gáy và mất bản năng sinh dục,....?

**Câu 5:** Nêu một số nhân tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật.

**Câu 6:** Sinh sản vô tính là gì? Nêu các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật.

**Câu 7:** Kể tên các phương pháp nhân giống vô tính? Từ đó nêu những lợi ích của phương pháp nhân giống vô tính?

**Câu 8:** Nêu vai trò của quả đối với sự phát triển của thực vật và đời sống con người?

**Câu 9:** Trình bày nguồn gốc hạt và quả.

**Câu 10:** Chọn 1 cây lâu năm có chiều cao 1,55m. Người ta dùng một cái đinh đóng vào thân cây ở vị trí xác định so với gốc sát mặt đất là 40cm. Giả sử trong điều kiện thích hợp, mỗi năm cây tăng trưởng về chiều cao trung bình 35cm. Sau 3 năm khoảng cách của đinh bị đóng so với gốc sát mặt đất là bao nhiêu cm?

**Hết.**

---

**Chúc các em ôn tập tốt và đạt kết quả cao trong kì thi học kì 2 - 2018.**